

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/DS-ST

Ngày: 25-02-2021

V/v “tranh chấp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Võ Thúy Nhị - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 515/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1969 (có mặt).

Bà Lê Thị N1, sinh năm 1972 (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Bà Võ Thị N2, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P và bà Lê Thị N1 trình bày: Vào ngày

15/02/2016 (âl), vợ chồng ông Nguyễn Thanh P và bà Lê Thị N1 có mở hai dây hụi 1.000.000 đồng, dây hụi gồm 40 phần, ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị N2 có tham gia 01 phần trong danh sách hụi tên Học. Đối với dây hụi này ông H và bà N2 đăng ký hốt hụi với giá 380.000 đồng. Số tiền mà ông P và bà N1 phải giao là 24.340.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì ông H và bà N2 có đóng hụi chết cho ông P và bà N1 được 13 lần và còn nợ lại là 27 lần. Đối với dây hụi này ông H và bà N2 còn nợ lại ông P và bà N1 tương ứng với số tiền là $(1.000.000 \text{ đồng} \times 01 \times 27 \text{ lần}) = 27.000.000 \text{ đồng}$.

Cùng ngày 15/02/2016 (âl), vợ chồng ông Nguyễn Thanh P và bà Lê Thị N1 có mở thêm dây thứ hai, hụi giá 1.000.000 đồng, dây hụi gồm 32 phần, ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị N2 có tham gia 01 phần trong danh sách hụi tên Học. Đối với dây hụi này ông H và bà N2 đăng ký hốt hụi với giá 280.000 đồng. Số tiền mà ông P và bà N1 phải giao là 22.280.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì ông H và bà N2 có đóng hụi chết cho ông P và bà N1 được 13 lần và còn nợ lại là 19 lần. Đối với dây hụi này ông H và bà N2 còn nợ lại ông và bà N1 tương ứng với số tiền là $(1.000.000 \text{ đồng} \times 01 \times 19 \text{ lần}) = 19.000.000 \text{ đồng}$. Hiện tại hai dây hụi trên đã kết thúc. Ông H và bà N2 còn nợ tổng số tiền của hai dây hụi là 46.000.000 đồng.

Nay ông P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị N2 trả cho ông P và bà N1 số tiền còn nợ là 46.000.000 đồng.

- Đối với ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị N2 đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông H và bà N2 vắng mặt không có lý do và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án việc ông P, bà N1 có mở hai dây hụi và ông H, bà N2 có tham gia giao dịch hụi với nhau. Sau khi lĩnh hụi ông H, bà N2 không đóng hụi chết và còn nợ lại ông P, bà N1 là thực tế xảy ra. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông P và bà N1 buộc ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị N2 trả cho ông P, bà N1 số tiền còn nợ là 46.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Thanh P và bà Lê Thị N1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị N2 trả tiền nợ hụi. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hụi*” nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân

dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị N2 là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị N2.

[3] Tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh P và bà Lê Thị N1 yêu cầu ông H, bà N2 trả số tiền nợ hui là 46.000.000 đồng với lý do: Ông H và bà N2 còn nợ hai dây hui chết với tổng số tiền là 54.000.000 đồng đối trừ 6.000.000 đồng tiền hui sống (dây hui ông H chưa lĩnh hui), thời gian sau ông H có trả thêm cho ông P và bà N1 2.000.000 đồng, qua đối trừ thì ông H và bà N2 còn nợ lại ông P và bà N1 là 46.000.000 đồng. Tại Biên bản hòa giải ngày 24/3/2017 của Tổ hòa giải ấp Kiến Vàng, xã Tân Hưng Tây, ông H thừa nhận có tham gia giao dịch hui do ông P và bà N1 làm chủ. Có tham gia 03 phần hui, trong đó hai phần hui chết và 01 phần hui sống. Giữa ông H và ông P có thỏa thuận là ông H mỗi tháng trả cho ông P là 2.500.000 đồng. Biên bản làm việc ngày 22 tháng 12 năm 2020 Tổ trưởng hòa giải của ấp và là Trưởng ban nhân dân ấp Kiến Vàng xác định ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị N2 có tham gia giao dịch hui do ông P và bà N1 làm chủ. Tại buổi hòa giải ở ấp thì ông H có hứa mỗi tháng sẽ trả cho ông P và bà N1 là 2.500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Từ khi hòa giải tại ấp đến nay phía ông H và bà N2 không đóng hui chết cho ông P và bà N1. Hiện tại ông H và bà N2 vẫn chung sống với nhau như vợ chồng nên buộc ông H và bà N2 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hui cho ông P và bà N1 là có cơ sở.

Mặt khác, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông H và bà N2 nhưng ông H và bà N2 không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông P và bà N1. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông P và bà N1 về việc yêu cầu ông H và bà N2 trả số tiền 46.000.000 đồng.

[4]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh P và bà Lê Thị N1 được chấp nhận toàn bộ, nay buộc ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị N2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; ông Nguyễn Thanh P và bà Lê Thị N1 được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 về họ, họ, biếu, phường và áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Thanh P và bà Lê Thị N1. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị N2 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh P và bà Lê Thị N1 số tiền 46.000.000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị N2 cùng liên đới phải chịu 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Thanh P và bà Lê Thị N1 đã nộp tạm ứng số tiền 1.150.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), tại biên lai thu tiền số 0012020 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay hoàn lại toàn bộ cho ông Nguyễn Thanh P và bà Lê Thị N1.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Ngọc Trọng